

# THỊ TRƯỜNG BỔ CHỐNG SẴN

## Thị trường bổ chống sẵn cá loa

(Áp dụng từ tháng 11/2011, chưa có thuế VAT)

CÔNG TY TNHH SAO BÙNG

Địa chỉ Số 310 – KA, Ô tô thôn Vĩ Đông, Long Bình, Hà Nội

Điện thoại 0983290971

Chuống loa	Bán kính bán kính	Án giá (VND)
Thị trường cũ loa hệ thống minh 3 pha hàng OBO MCD50B/3+ MCD125B/NPE+V20C/4		29.995.000
Thị trường cũ loa hệ thống minh 3 pha V20C/4 (OBO)		8.990.000
<i>Kim thu sẵn Pulsar - Pháp</i>		
IMH 1812	55m	1.322 USD
IMH 3012	71m	1.460 USD
IMH 4512	95m	1.902 USD
IMH 6012	118m	2.499 USD
<i>Kim thu sẵn Indelec - Prevecon - Pháp</i>		
S6.60	97m	1.532 Euro
S4.50	86m	1.200 Euro
S3.40	75m	1.067 Euro
TS2.25	57m	888 Euro
Bán kính ST P8011		280 Euro
<i>Kim thu sẵn Cirprotec NLP - Tây Ban Nha</i>		
1100-15	51m	14.807.000
1100-30	71m	17.370.000
1100-44	88m	18.992.000
1100-2000	107m	22.248.000
<i>Kim thu sẵn Ingesco - Tây Ban Nha</i>		
PDC 2.1	57m	7.820.000
PDC 3.1	63m	10.320.000
PDC 3.3	75m	13.920.000
PDC 4.3	85m	16.320.000
PDC 5.3	95m	17.520.000
PDC 6.3	114m	18.780.000
PDC 6.4	120m	42.600.000
PDC E15	75m	11.880.000
PDC E30	80m	13.920.000
PDC E45	105m	15.120.000
PDC E60	120m	18.780.000
Thị trường cũ loa hệ thống CDR-1		4.980.000
<i>Kim thu sẵn Caritec - Canada</i>		
PCS-ESE 1.300	32m	5.960.000
PCS-ESE 2.350	45m	6.480.000
PCS-ESE 3.350	65m	8.280.000
PCS-ESE 3.450	85m	9.720.000
PCS-ESE 3.550	95m	10.920.000
PCS-ESE 3.650	107m	12.060.000
PCS-ESE 3.750	120m	14.760.000
PCS-ESE 6.650	131m	19.440.000
Thị trường cũ loa hệ thống LSR-II		7.056.000
<i>Kim thu sẵn hĩ PSR - Tây Ban Nha</i>		
EC-SAT 250	70m	11.990.000

Chuống loa	Bán kính bán kính	Án giá (VND)
EC-SAT 500	80m	13.200.000
EC-SAT 750	90m	14.960.000
EC-SAT 1000	107m	18.920.000
Thị trường cũ loa hệ thống 21012 (PSR)		3.520.000
<i>Kim thu sẵn Leitai - Trung Quốc</i>		
LTDB 3.1	50m	4.640.000
LTDB 3.3	64m	5.250.000
LTDB 4.3	76m	6.500.000
LTDB 5.3	87m	6.780.000
LTDB 6.3	97m	7.520.000
<i>Kim thu sẵn Liva - Thái Lan</i>		
LAP CX040	61m	3.720.000
LAP CX070	73m	4.280.000
LAP BX125	83m	5.540.000
LAP BX175	101m	6.240.000
LAP AX210	131m	7.560.000
LAP DX250	141m	9.660.000
Thị trường cũ loa hệ thống LSC-LX01		3.220.000
<i>Kim thu sẵn Stormaster LPI - Úc</i>		
ESE 15 (khung nhôm)	51m	7.280.000
ESE 30 (khung nhôm)	71m	8.880.000
ESE 50 (khung nhôm)	95m	10.440.000
ESE 60 (khung nhôm)	107m	18.720.000
Thị trường cũ loa hệ thống LSR-1		228 USD
Ván dán bưng chống thiệt EC-100		228 USD
Cáp thoát sét 7 lõi HVSC/Ericore		48 USD
Bán kính đều trị n Uterkit-MK2/Ericore		248 USD
Bán kính đều dũa Ltermkit/Ericore		46 USD
Ống thép tinh 2m FRP-2M/Ericore		235 USD
Khung nối/Lcoupling/Ericore		144 USD
<i>Kim thu sẵn Ioniflash Mach - Pháp (khung nhôm)</i>		
- Loa 30	107m	14.145.000
- Loa 45	107m	15.410.000
- Loa 60	107m	16.675.000
<i>Kim thu sẵn Star - Pháp (khung nhôm)</i>		
- Loa 2.10	43m	8.260.000
- Loa 3.25	65m	10.502.000
- Loa 6.45	89m	12.980.000
- Loa 6.60	107m	14.278.000
<i>Kim thu sẵn Schirtec - Áo</i>		
ESE S-A	107m	13.700.000
ESE S-AS	75m	10.600.000
Thị trường cũ loa hệ thống SLSC-10		4.150.000
<i>Kim thu sẵn cỏi hĩ cá tĩ hĩ (Việt Nam)</i>		
Victory HG-1000-4 /-7	20m	936.000
Tahyang	20m	1.020.000

### PHỤ KIỆN

Chuống loa	Án giá	ÁVT
<i>Hoá chệch giá hĩ hĩ trũ</i>		
- Terrafill/Powerfill Mỹ (22 kg)	55	USD/bao
- Reslo LPI (Úc) (10 kg)	28	"
- GEM25 Mỹ (11,34 kg)	35	"
- GEM Việt Nam (11,34 kg)	336.000	à/bao
Hộp kĩ m tra hĩ hĩ trũ hĩ hĩ hĩ	260.000	à/caĩ
Coĩ hĩ hĩ hĩ 2,4m, 16	175.000	à/coĩ
Coĩ hĩ hĩ hĩ 2,4m, 14,2 (Ế hĩ hĩ)	175.000	"
Coĩ hĩ hĩ hĩ 2,4m, 16 (Ế hĩ hĩ)	215.000	"
Bán kính hĩ hĩ hĩ D34x3mx3mm	1.690.000	à/bỏĩ
Chèn trũ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ	370.000	à/caĩ

Chuống loa	Án giá	ÁVT
Bán kính giũg, neo, oĩ hĩ hĩ hĩ, tũg àu	420.000	à/bỏĩ
Bán kính hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ	68.000	à/caĩ
Mũ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ		
Cadweld/Exoweld (Hà Quốc)	295.000	à/mũ
Phũ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ	68.000	à/caĩ
Ái cĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ	13.500	"
Bán kính hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ	360.000	à/bỏĩ
Bán kính hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ	450.000	"
Bũg/thanh hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ	159.000	à/m
Áĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ hĩ	1.235.000	à/bỏĩ





Chi tiết bổ sung thêm	Án tính kỹ thuật		
Nguồn vào	3 pha 4 dây + dây trung tính - 380VAC (L-L) / 220VAC (L-N) - 40-70Hz		
Nguồn ra	3 pha 4 dây + dây trung tính - 380VAC (L-L) / 220VAC (L-N) - 50Hz/60Hz		
Đang sóng	Sóng sine thật (True Sine-wave) mô phỏng tải tải là tải không phụ thuộc vào dung lượng tải của nguồn acqui		
Cổng giao tiếp	Cổng AS400/ RS485/ RS232 - phân mềm qua dây Winpower kèm Card Webpower (SNMP) giao tiếp RJ45 kèm phân mềm qua dây		
Kiểm tra song song	Cho phép kiểm tra song song (dòng tải) lên tới 8 bộ tải (chạy dự phòng à từng, nên công suất chia đều tải		
EPO	(Emergency Power Off) Từ nguồn UPS trong trường hợp khẩn cấp khẩn cấp		
Thời gian lưu trữ	Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng		
Kích thước	420mm x 630mm x 880mm	450mm x 700mm x 1150mm	450mm x 700mm x 1150mm
Án giá	177.793.000 VNĐ	211.019.000 VNĐ	246.681.000 VNĐ
Công dụng chính	Thích hợp với các thiết bị: Phòng Máy chủ thiết bị máy, thiết bị viễn thông, an ninh, phân tích, ảo lập, xe nâng, máy y khoa, máy in PLC, thiết bị công nghiệp, thiết bị in ấn - chi phí, thiết bị ảnh từ chuyển n dung		
<b>Hệ thống tu nguồn dự trữ DC (UPS QUI)</b>			
Model : A16 - 12V24Ah	80.254.000 VNĐ		
Số bình ắc quy	32 bình ắc quy loại 12V / 24Ah (1 chuỗi)		
Kích thước	~ 450mm x 800mm x 1195mm		
Tổng trọng lượng	~ 321 Kg		
Model : A16 - 12V38Ah	113.371.000 VNĐ		
Số bình ắc quy	32 bình ắc quy loại 12V / 38Ah (1 chuỗi)		
Kích thước	~ 450mm x 800mm x 1195mm		
Tổng trọng lượng	~ 508 Kg		
Model : A16- 12V65Ah	178.512.000 VNĐ		
Số bình ắc quy	32 bình ắc quy loại 12V / 65Ah (1 chuỗi)		
Kích thước	~ 450mm x 800mm x 1195mm		
Tổng trọng lượng	~ 764 Kg		
Model : A16 - 12V100Ah	227.955.000 VNĐ		
Số bình ắc quy	32 bình ắc quy loại 12V / 100Ah (1 chuỗi)		
Kích thước	~ 450mm x 800mm x 1195mm		
Tổng trọng lượng	~ 1116 Kg		
Thiết bị giám sát	EMD: Environmental Monitoring Device (thiết bị kiểm soát môi trường)	4.512.000 VNĐ	
	GSM-MODEM: (cập nhật tải tải qua dây ATDA)	6.247.000 VNĐ	
Cáp parallel 5m	Kiểm tra UPS 3C3-EX (cung model) vắn nhau để nên công suất chạy dự phòng, chia đều tải	1.576.000 VNĐ	
Cáp parallel 10m	Kiểm tra UPS 3C3-EX (cung model) vắn nhau để nên công suất chạy dự phòng, chia đều tải	2.026.000 VNĐ	
Model	3C10KS	3C15KS	3C20KS
Công suất	10KVA / 7KW	15KVA / 10.5KW	20KVA / 14KW
Công nghệ	True online - Double Conversion (Trực tuyến - Chuyển đổi kép - Xử lý sóng DSP từ n tới n)		
Nguồn vào	3 pha - 380VAC ( 304 ~ 478 VAC ) / 50Hz ( 46Hz ~ 54Hz )		
Nguồn ra	1 pha - 220VAC ± 1% / 50Hz ± 0.05Hz ( battery mode )		
Đang sóng	Sóng sine thật (True Sine-wave) mô phỏng tải tải là tải không phụ thuộc vào dung lượng tải của nguồn acqui		
Cổng giao tiếp	RS232 - phân mềm qua dây Winpower kèm Khe thông minh ( Dây của card Webpower / CMC / AS400 )		
Kiểm tra song song	Cho phép kiểm tra song song (dòng tải) lên tới 3 bộ tải (chạy dự phòng à từng, nên công suất chia đều tải		
Thời gian lưu trữ	Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng		
Kích thước	260mm x 570mm x 717mm 260mm x 570mm x 717mm	260mm x 570mm x 717mm	260mm x 570mm x 717mm
Án giá	84.892.000 VNĐ	131.040.000 VNĐ	170.478.000 VNĐ
Công dụng chính	Thích hợp với các thiết bị: Phòng Máy chủ thiết bị máy, thiết bị viễn thông, an ninh, phân tích, ảo lập, xe nâng, máy y khoa, máy in PLC, thiết bị công nghiệp, thiết bị in ấn - chi phí, thiết bị ảnh từ chuyển n dung		
<b>Hệ thống tu nguồn dự trữ DC (UPS QUI)</b>			
Model : A08 - 12V24Ah	48.720.000 VNĐ		
Số bình ắc quy	20 bình ắc quy loại 12V / 24Ah (1 chuỗi)		
Kích thước	~ 450mm x 800mm x 615mm		



Chi tiết sản phẩm	Áp dụng kỹ thuật		
Model	C6K	C6KR	C6KE
Công suất	6KVA / 4,2KW	6KVA / 4,2KW	6KVA / 4,2KW
Công nghệ	True online - Double Conversion (Truyền tải - Chuyển đổi kép - Xử lý số DSP từ n tới n)		
Nguồn vào	1 pha - 220VAC (176 ~ 276 VAC) / 50Hz (46 ~ 54Hz)		
Nguồn ra	1 pha - 220VAC ± 1% / 50Hz ± 0.05Hz (battery mode)		
Đang sóng	Sóng sine thật (True Sine-wave) mô phỏng tải tải là lưu trữ và không phụ thuộc vào dung lượng của tải của nguồn acqui		
Cổng giao tiếp	RS232 - phân mềm qua dây Winpower ài kèm Khe thông minh (Đang của card Webpower (SNMP)/ CMC / AS400)		
Thời gian lưu trữ	20 phút (# 50% tải) 07 phút (# 100% tải)	20 phút (# 50% tải) 07 phút (# 100% tải)	20 phút (# 50% tải) 07 phút (# 100% tải)
Kích thước	260mm x 570mm x 717mm	2 x (482mm x 600mm x 130mm)	260mm x 570mm x 717mm
Đơn giá	44.041.000 VNĐ	44.959.000 VNĐ	39.365.000 VNĐ
Công dụng chính	Thích hợp với các thiết bị: phòng máy chủ thiết bị mạng, thiết bị viễn thông, an ninh, phân tích, ảo lập, xe nghiên cứu y khoa, khí cụ PCL, thiết bị công nghiệp, thiết bị chỉ đạo, thiết bị điều khiển tự động		

Quy cách	Áún giáá ÁVT	Quy cách	Áún giáá ÁVT	Quy cách	Áún giáá ÁVT
Äông hõì- Volt & Ampe		TM – 20	150 à/caá	12UF	12.000 à/caá
50 x 50	32.500 à/caá	TM – 25	290 "	14UF	13.000 "
80 x 80	32.500 "	TM – 30	350 "	16UF	15.500 "
72 x 72	65.000 "	TM – 40	680 "	18UF	15.000 "
96 x 96	73.500 "	SM – 25	3.600 "	20UF	17.500 "
RCT-35-30/5a-50/		SM – 30	4.300 "	25UF	21.800 "
5A-75/5A-100/5A	64.000 "	SM – 35	6.000 "	30UF	22.800 "
150/5A-200/5A-250/		SM – 40	6.300 "	35UF	27.900 "
5A-300/5A	64.000 "	SM – 51	6.600 "	40UF	31.500 "
RCT-58-300/5A-400/		SM – 76	17.500 "	45UF	36.500 "
5A-500/5A	89.000 "	Tuáhöp CB teđ		50UF	40.500 "
600/5A-800/5A-1.00/		Loaã- 3P – 6P	90.000 "	60UF	45.900 "
5A-1.200/5A	89.000 "	Loaã- 5P – 8P	150.000 "	TuáABC 125VAC	
RCT-90-800/5A-1.000/		Loaã- 8P – 12P	200.000 "	ABC – 200 – 125VAC	15.000 "
5A-1.200/5A	137.000 "	Äông hõì công tú àii à		ABC – 300 – 125VAC	18.900 "
1.500/5A-1.600/5A	137.000 "	5 – 20A	250.000 "	ABC – 400 – 125VAC	22.900 "
RCT-110-1.000/		10 – 40A	280.000 "	ABC – 600 – 125VAC	28.600 "
5A-1.200/5A	195.000 "	Tuáhöm CBB65 – 370VAC		ABC – 800 – 125VAC	42.600 "
1.500/5A-1.600/5A	195.000 "	10UF	17.000 "	ABC – 1.000 – 125VAC	50.000 "
Cầu chì súa		15UF	20.000 "	ABC – 1.200 – 125VAC	62.000 "
2A	1.300 "	20UF	22.000 "	TuáABS 250VAC	
3A	1.300 "	25UF	25.000 "	ABS – 200 – 250VAC	24.900 "
5A	1.300 "	30UF	30.000 "	ABS – 300 – 250VAC	31.600 "
6A	1.300 "	35UF	34.000 "	ABS – 400 – 250VAC	36.000 "
10A	1.300 "	40UF	37.000 "	ABS – 600 – 250VAC	49.800 "
16A	1.300 "	45UF	41.000 "	ABS – 800 – 250VAC	68.800 "
20A	1.300 "	50UF	48.000 "	ABS – 1.00 – 250VAC	80.000 "
25A	1.300 "	55UF	52.000 "	ABS – 1.200 – 250VAC	92.600 "
32A	1.300 "	60UF	55.000 "	Lúúáquađ1T2	5.500 "
Äi cầu chì		Tuáim CBB60 – 350VAC		Lúúáquađ1T6	10.000 "
RT – 18	9.000 "	10UF	12.000 "	Lúúáquađ2T	14.000 "
FS – 101	6.000 "				